

Số: 77 /TB-CN

Đồng Nai, ngày 25 tháng 4 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) Quý 1/2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai

- Mã chứng khoán: DNW
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 48, CMT 8, P. Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai.
- Điện thoại: (0251) 3843 316 Fax: (0251) 3847 149
- Website: www.dowaco.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Quý 1/2024:

BCTC riêng (CTĐCQML không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (CTĐCQML có công ty con);

BCTC tổng hợp (CTĐCQML có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

 Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

 Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

 Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

 Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

 Có Không

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày .. 25/4/2024 tại đường dẫn <https://dowaco.vn/quan-he-co-dong>.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Riêng và Hợp nhất Quý 1/2024

Đại diện tổ chức
Người được ủy quyền Công bố thông tin *He*



Nguyễn Cao Hà

Số: 271./GUQ-CN

Biên Hòa, ngày 09 tháng 4 năm 2024

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/4/2021;

Căn cứ Giấy đề nghị nghỉ phép của Bà Phạm Thị Hồng được Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

Chúng tôi thực hiện các nội dung ủy quyền như sau:

I. Bên ủy quyền: Bà Phạm Thị Hồng.

- CCCD số 022179006181 cấp ngày 12/04/2022 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

- Chức vụ: Giám đốc Công ty - Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.

II. Bên được ủy quyền: Ông Nguyễn Cao Hà.

- CCCD số 044071009389 cấp ngày 28/12/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

- Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.

III. Nội dung ủy quyền:

Ông Nguyễn Cao Hà được thay mặt Bà Phạm Thị Hồng quản lý, điều hành, giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Giám đốc Công ty và thẩm quyền là Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong thời gian Bà Phạm Thị Hồng nghỉ phép. Ông Nguyễn Cao Hà chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật, trước Công ty về những công việc do mình thực hiện trong thời gian nhận ủy quyền.

IV. Thời hạn ủy quyền: Từ ngày 14/04/2024 đến hết ngày 22/04/2024.

Giấy ủy quyền này được lập thành 03 (ba) bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên ủy quyền giữ 01 (một) bản, bên nhận ủy quyền giữ 01 (một) bản, Phòng Quản trị tổng hợp Công ty giữ 01 (một) bản.

Bên được ủy quyền

Nguyễn Cao Hà

Bên ủy quyền



Phạm Thị Hồng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ 1 NĂM 2024**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		542.741.597.122	557.588.730.627
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	29.943.918.122	44.996.501.511
1. Tiền	111		29.943.918.122	44.996.501.511
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		420.000.000.000	420.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	420.000.000.000	420.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		55.788.300.527	52.449.922.402
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	39.291.195.614	39.000.455.658
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	11.385.642.603	4.595.382.752
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	10.647.506.635	10.373.557.766
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(5.536.044.325)	(1.519.473.774)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		36.452.855.801	34.916.399.800
1. Hàng tồn kho	141	V.7	36.452.855.801	34.916.399.800
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		556.522.672	5.225.906.914
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	381.300.189	257.015.879
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		175.222.483	4.968.891.035
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.742.737.697.548	2.791.482.279.301
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.419.286.585.415	2.490.413.588.705
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	2.137.461.766.957	2.206.762.522.067
- Nguyên giá	222		5.034.442.999.422	5.032.175.713.566
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.896.981.232.465)	(2.825.413.191.499)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	281.824.818.458	283.651.066.638
- Nguyên giá	228		355.151.594.291	355.151.594.291
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(73.326.775.833)	(71.500.527.653)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		169.831.367.038	148.497.652.517
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	169.831.367.038	148.497.652.517
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		149.264.041.223	148.123.921.223
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	103.728.819.600	103.728.819.600
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	7.800.368.003	7.800.368.003
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	54.209.842.490	53.069.722.490
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(16.474.988.870)	(16.474.988.870)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.355.703.872	4.447.116.856
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	4.355.703.872	4.447.116.856
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.285.479.294.670	3.349.071.009.928

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.112.936.764.738	1.210.165.060.221
I. Nợ ngắn hạn	310		397.691.475.774	458.273.704.164
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	38.097.507.554	89.946.918.876
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13a	6.407.575.375	6.277.598.044
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	17.657.421.574	8.113.426.776
4. Phải trả người lao động	314	V.15	23.794.725.018	61.777.625.264
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	10.743.315.153	12.637.791.602
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	14.400.907.120	13.097.756.311
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	221.607.927.020	222.076.755.395
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	64.982.096.960	44.345.831.896
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		715.245.288.964	751.891.356.057
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.13b	6.667.913.192	6.667.913.192
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	1.326.050.500	1.326.050.500
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	707.251.325.272	743.897.392.365
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG
CỔ
CẤP
ĐỒ
N H

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.172.542.529.932	2.138.905.949.707
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.172.542.529.932	2.138.905.949.707
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	115.307.706.961	115.307.706.961
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	264.768.092.419	177.796.296.128
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	592.466.730.552	645.801.946.618
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		520.979.491.700	645.801.946.618
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		71.487.238.852	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.285.479.294.670	3.349.071.009.928

Đồng Nai, ngày 19 tháng 04 năm 2024

Nguyễn Thị Hằng
Người lậpNguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởngNguyễn Cao Hà
P.Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

(Dạng đầy đủ)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	272.825.384.007	254.518.268.678	272.825.384.007	254.518.268.678
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		272.825.384.007	254.518.268.678	272.825.384.007	254.518.268.678
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	161.677.342.008	151.469.464.896	161.677.342.008	151.469.464.896
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		111.148.041.999	103.048.803.782	111.148.041.999	103.048.803.782
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.119.748.967	1.227.778.812	3.119.748.967	1.227.778.812
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6.723.950.271	8.137.109.151	6.723.950.271	8.137.109.151
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.636.661.763	7.138.333.906	6.636.661.763	7.138.333.906
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	11.819.510.644	12.356.165.459	11.819.510.644	12.356.165.459
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	16.878.378.176	11.267.445.607	16.878.378.176	11.267.445.607
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		78.845.951.875	72.515.862.377	78.845.951.875	72.515.862.377
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.314.541.035	951.166.920	1.314.541.035	951.166.920
12. Chi phí khác	32	VI.8	580.627.651	529.600.000	580.627.651	529.600.000
13. Lợi nhuận khác	40		733.913.384	421.566.920	733.913.384	421.566.920
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		79.579.865.259	72.937.429.297	79.579.865.259	72.937.429.297
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	8.092.626.407	3.715.206.503	8.092.626.407	3.715.206.503
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		71.487.238.852	69.222.222.794	71.487.238.852	69.222.222.794
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9				
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9				

Nguyễn Thị Hằng
Người lậpNguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởngNguyễn Cao Hà
P. Giám đốc

Đồng Nai, ngày 19 tháng 04 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		79.579.865.259	72.937.429.297
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9; V.10	73.394.289.146	74.544.595.464
- Các khoản dự phòng	03	VI.4	4.016.570.551	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(109.424.672)	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	6.636.661.763	(946.232.850)
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	7.138.333.906
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		163.517.962.047	153.674.125.817
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.446.224.348	(16.025.122.354)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.536.456.001)	1.549.941.701
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(91.571.267.936)	(22.922.253.192)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(32.871.326)	908.105.030
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16; VI.4	(10.457.874.137)	(10.989.310.241)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(3.471.107.465)	(5.433.293.644)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.20	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20; V.21	(17.214.393.563)	(20.857.141.274)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		41.680.215.967	79.905.051.843
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4; V.9 V.11; V.12	(22.332.016.025)	(25.685.421.074)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a	30.000.000.000	45.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.140.120.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.3	957.397.275	946.232.850
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22.514.738.750)	(9.739.188.224)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	57.209.069.000	51.089.442.082
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(91.403.683.686)	(135.309.360.779)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17a	(23.445.920)	(14.899.800)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>(34.218.060.606)</i></u>	<u><i>(84.234.818.497)</i></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(15.052.583.389)	(14.068.954.878)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	44.996.501.511	40.179.816.592
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>29.943.918.122</u>	<u>26.110.861.714</u>

Đồng Nai, ngày 19 tháng 04 năm 2024



Nguyễn Cao Hà
P.Giám đốc

Nguyễn Thị Hằng
Người lập

Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; Phân phối nước sạch	52,44%	52,44%	52,44%
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	02 bis Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; Phân phối nước sạch	51,00%	51,00%	51,00%

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	52 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Khai thác nước phục vụ công nghiệp; Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch	36,00%	36,00%	36,00%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Quản lý ghi thu	48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Biên Hòa	48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Cấp nước Long Bình	Tổ 8, Khu phố 9, Phường Tân Biên, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Thiện Tân	329 đường Nhà máy nước Thiện Tân, Tổ 2, Khu phố 10, phường Tân Biên, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Nhơn Trạch	327 đường Nhà máy nước Thiện Tân, Tổ 2, Khu phố 10, phường Tân Biên, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Vĩnh An	Tổ 1, Khu phố 1, Thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Xuân Lộc (KV Tổ 1, Khu 7, Thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai)	Xuân Lộc
Chi nhánh Cấp nước Xuân Lộc (KV 775 Quốc lộ 20, Khu 7, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai)	Tân Phú
Chi nhánh Cấp nước Thạnh Phú	119 ấp Vàm, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Long Thành	113 Lê Duẩn, khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 889 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 891 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính riêng của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính riêng.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá chéo của Đồng Việt Nam so với một số ngoại tệ áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu do Ngân hàng Nhà nước công bố.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá chéo của Đồng Việt Nam so với một số ngoại tệ áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu do Ngân hàng Nhà nước công bố.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ cho khách hàng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ cho khách hàng

Chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ cho khách hàng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	03 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 – 40

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 20 – 48 năm.

Chi phí quy hoạch bản đồ

Chi phí quy hoạch bản đồ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 25 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 02 – 08 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ có chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ. Việc trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định theo định kỳ được căn cứ vào kế hoạch

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí

13. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần

14. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

15. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	89.796.164	162.764.855
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.854.121.958	44.833.736.656
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	-	-
Cộng	<u>29.943.918.122</u>	<u>44.996.501.511</u>

Tiền gửi ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai là 2.974.553.280 VND được dùng để ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Giá trị hợp lý	Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	103.728.819.600	-	-	103.728.819.600	-	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch ⁽ⁱ⁾	90.978.819.600	-	-	90.978.819.600	-	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh ⁽ⁱⁱ⁾	12.750.000.000	-	-	12.750.000.000	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	7.800.368.003	-	-	7.800.368.003	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai ⁽ⁱⁱⁱ⁾	7.800.368.003	-	-	7.800.368.003	-	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân ^(iv)	-	-	-	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	54.209.842.490	(16.474.988.870)	43.752.791.030	53.069.722.490	(16.474.988.870)	41.483.946.330
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	2.179.842.490	-	6.934.779.900	1.039.722.490	-	5.084.935.200
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	2.030.000.000	-	3.293.000.000	2.030.000.000	-	2.874.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân ^(iv)	50.000.000.000	(16.474.988.870)	33.525.011.130	50.000.000.000	(16.474.988.870)	33.525.011.130
Cộng	<u>165.739.030.093</u>	<u>(16.474.988.870)</u>	<u>164.598.910.093</u>	<u>164.598.910.093</u>	<u>(16.474.988.870)</u>	<u>148.123.921.223</u>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600977120 đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 11 tháng 4 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty nắm giữ 52,44% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600979223 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09 tháng 11 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty nắm giữ 51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600978879 đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11 tháng 7 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty nắm giữ 36% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai.
- (iv) Công ty nắm giữ 5.000.000 cổ phiếu, tương đương 10,36% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân và Công ty chỉ được quyền bổ nhiệm 01 trong số 05 thành viên Hội đồng quản trị của công ty này. Do vậy khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển trình bày ở khoản mục “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác” trên Báo cáo tài chính riêng.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với cùng kỳ năm trước.

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.588.422.500	51.470.911.000
Chi phí dịch vụ	-	-
Cổ tức được chia		5.243.736.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-
Chi phí dịch vụ	-	-
Cổ tức được chia		1.912.500.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.966.100	299.539.469
Chi phí dịch vụ		1.946.142.074
Cổ tức được chia		2.532.600.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	4.541.711.131	6.113.877.943
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	4.351.446.225	4.030.128.375
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	122.685.121	123.563.593
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	-	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	-	-
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	46.896.770		-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	-		-	
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	79.350		2.393.725	
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	1.991.830		859.625	
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	4.320.000		-	
			Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	1.944.000		-	
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	5.723.550		-	
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	972.000		1.274.400	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	2.982.525		-	
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	1.416.960		1.447.200	
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	-		-	
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	-		-	
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	-		1.950.323.025	
Công ty Cổ phần Đầu tư quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang	-		-	
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	1.252.800		-	
Phải thu các khách hàng khác	34.749.484.483		32.886.577.715	
Cộng	39.291.195.614		39.000.455.658	
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
Công ty CP Kỹ thuật Á Châu	-		1.893.609.449	
Công ty TNHH Kiểm toán VACO	738.895.012		738.895.012	
Các nhà cung cấp khác	10.646.747.591		1.962.878.291	
Cộng	11.385.642.603		4.595.382.752	
5. Phải thu ngắn hạn khác	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu liên quan đến Dự án cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn I	4.016.570.551	-	4.016.570.551	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	2.178.438.356	-	3.026.410.959	-
Tạm ứng	755.713.162	-	914.809.724	-
Các khoản bảo hiểm bắt buộc trích theo lương	238.803.946	-	238.803.946	-
Khoản đặt cọc ngắn hạn	353.000.000	-	353.000.000	-
Học phí khóa đào tạo ngành Cấp thoát nước	189.418.000	-	239.095.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.915.562.620	-	1.584.867.586	-
Cộng	10.647.506.635	-	10.373.557.766	-
6. Nợ xấu				

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	35.851.198.284	-	34.245.325.900	-
Công cụ, dụng cụ	264.943.345	-	263.952.037	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	302.347.985	-	302.347.985	-
Thành phẩm	23.453.457	-	-	-
Hàng hóa	10.912.730	-	104.773.878	-
Cộng	36.452.855.801	-	34.916.399.800	-

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí bảo hiểm còn phân bổ.

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí cải tạo, sửa chữa tài sản cố định	845.714.949	1.555.143.048
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.509.988.923	2.891.973.808
Cộng	4.355.703.872	4.447.116.856

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	937.935.737.880	1.162.654.772.084	2.886.176.458.732	37.674.229.822	7.734.515.048	5.032.175.713.566
Mua trong kỳ	-	1.183.357.709	663.366.074	-	-	1.846.723.783
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành		182.651.040	414.771.283	-	-	597.422.323
Tăng khác			72.238.658.937	139.193.087		72.377.852.024
Giảm khác			(72.554.712.274)			(72.554.712.274)
Số cuối kỳ	937.935.737.880	1.164.020.780.833	2.886.938.542.752	37.813.422.909	7.734.515.048	5.034.442.999.422
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	264.686.447.947	306.811.046.288	222.138.905.456	36.546.560.922	6.393.909.270	836.576.869.883
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	550.554.044.598	863.774.227.671	1.366.559.476.310	37.328.760.996	7.196.681.924	2.825.413.191.499
Khấu hao trong kỳ	9.178.904.855	19.769.180.910	42.537.001.401	56.237.980	26.715.820	71.568.040.966
Tăng khác			27.434.097.459			27.434.097.459
Giảm khác			(27.434.097.459)			(27.434.097.459)
Số cuối kỳ	559.732.949.453	883.543.408.581	1.409.096.477.711	37.384.998.976	7.223.397.744	2.896.981.232.465
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	387.381.693.282	298.880.544.413	1.519.616.982.422	345.468.826	537.833.124	2.206.762.522.067
Số cuối kỳ	378.202.788.427	280.477.372.252	1.477.842.065.041	428.423.933	511.117.304	2.137.461.766.957
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 939.637.751.477 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai (xem thuyết minh số V.18b).

10. Tài sản cố định vô hình

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Chi phí quy hoạch bản đồ	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	350.312.046.176	2.814.843.027	2.024.705.088	355.151.594.291
Số cuối kỳ	350.312.046.176	2.814.843.027	2.024.705.088	355.151.594.291
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	150.000.000	1.274.564.000	2.024.705.088	3.449.269.088
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	67.580.512.332	1.895.310.233	2.024.705.088	71.500.527.653
Khấu hao trong kỳ	1.810.845.390	15.402.790		1.826.248.180
Số cuối kỳ	69.391.357.722	1.910.713.023	2.024.705.088	73.326.775.833
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	282.731.533.844	919.532.794	-	283.651.066.638
Số cuối kỳ	280.920.688.454	904.130.004	-	281.824.818.458
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 274.754.299.432 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.18b).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	51.970.183	12.866.620			64.836.803
Xây dựng cơ bản dở dang	146.660.922.409	21.310.756.608	(619.374.799)		167.352.304.218
• Dự án Nhơn Trạch giai đoạn 1	21.018.104.772	-	-	-	21.018.104.772
• Dự án Nhơn Trạch giai đoạn 2	86.379.277.932	-	-	-	86.379.277.932
• Dự án Thiện Tân giai đoạn 2	20.490.518.415	90.374.856	(78.018.716)	-	20.502.874.555
• Các dự án khác	18.773.021.290	21.220.381.752	(541.356.083)		39.452.046.959
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.784.759.925	822.632.092	(193.166.000)		2.414.226.017
Cộng	148.497.652.517	22.146.255.320	(812.540.799)		169.831.367.038

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.770.912.936	1.767.741.234
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	351.809.431	351.809.431
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	1.325.962.997	1.325.962.997
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	-	-
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	35.710.508	32.538.806
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đồng Nai		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	57.430.000	57.430.000
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	-	-
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	36.326.594.618	88.179.177.642
Công ty CP DNP Holding	5.732.568.331	3.010.251.666
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	7.130.143.420	8.127.164.980
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Cấp thoát nước (WASECO)	719.993.826	26.398.160.898
Công ty CP Hawaco Miền Nam	3.220.029.920	4.272.900.480
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Kỹ thuật Đức Hùng	2.245.490.085	3.165.737.862
Công ty TNHH TVXD TM-DV Đức Anh	2.054.745.483	17.805.555.389
Công ty TNHH Kỹ thuật Công Nghệ Tân Thuận Phát	117.970.527	4.696.974.689
Công ty CP Xây Dựng số 5	161.656.670	2.997.060.077
Các nhà cung cấp khác	14.943.996.356	17.705.371.601
Cộng	38.097.507.554	89.946.918.876

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước**13a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của bên liên quan	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	6.407.575.375	6.277.598.044
Cộng	6.407.575.375	6.277.598.044

13b. Người mua trả tiền trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của bên liên quan	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	2.000.000.000	2.000.000.000
Trả trước của khách hàng khác	4.667.913.192	4.667.913.192

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đô thị Amata Long Thành	4.667.913.192	4.667.913.192
Cộng	6.667.913.192	6.667.913.192

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	0		14.965.606.514	12.296.103.690	2.669.502.824	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.471.107.465	-	8.092.626.407	3.471.107.465	8.092.626.407	-
Thuế thu nhập cá nhân	245.447.003	-	1.261.300.000	1.025.735.560	481.011.443	-
Thuế tài nguyên	470.134.190	-	1.460.651.440	1.447.070.920	483.714.710	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	102.467.487	-	226.164.698	102.467.487	226.164.698	-
Các loại thuế khác	0	-	12.000.000	12.000.000	0	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.824.270.631	-	13.452.204.029	11.572.073.168	5.704.401.492	-
Cộng	8.113.426.776	-	39.470.553.088	29.926.558.290	17.657.421.574	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ lắp đặt công trình từ nguồn kinh phí cộng đồng Không chịu thuế
- Dịch vụ cấp nước 5%
- Các dịch vụ khác Theo quy định hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10%. Thu nhập từ các hoạt động khác Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	79.579.865.259	72.937.429.297
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	126.000.000	102.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	79.705.865.259	73.039.429.297
Thu nhập được miễn thuế	0	-
Thu nhập tính thuế	79.705.865.259	73.039.429.297
- Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 10%)	78.485.466.455	72.617.862.377
- Thu nhập không được hưởng ưu đãi	1.220.398.804	421.566.920
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	15.941.173.052	14.607.885.859



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	(7.848.546.645)	(7.261.786.238)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</i>		(3.630.893.119)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.092.626.407	3.715.206.503

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác tài nguyên nước với mức thuế suất 1% trên sản lượng khai thác nước mặt và thuế suất 5% trên sản lượng khai thác nước ngầm. Giá tính thuế theo Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng phải trả người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	1.150.781.626	4.971.994.000
Chi phí sửa chữa, lắp đặt KH đóng tiền		1.398.489.868
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	9.592.533.527	6.267.307.734
Cộng	10.743.315.153	12.637.791.602

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**17. Phải trả khác****17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan - Nhận cọc vỡ bình nước Doriv</i>	<i>12.930.000</i>	<i>12.930.000</i>
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	900.000	900.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	2.400.000	2.400.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	-	-
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	4.260.000	4.260.000
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	4.800.000	4.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	-	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	300.000	300.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	120.000	120.000
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	-	-
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	150.000	150.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>14.387.977.120</i>	<i>13.084.826.311</i>
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	11.290.947	3.590.997.930
Bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng CN Long Thành	2.034.416.320	2.034.416.320
Kinh phí công đoàn	192.168.733	1.488.670.812
Phí dịch vụ môi trường rừng	1.508.692.382	1.442.548.278
Cổ tức phải trả	467.895.900	467.895.900
Tiền nộp thế chân của KH lắp đặt HTN	916.000.000	866.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	9.257.512.838	3.194.297.071
Cộng	<u>14.400.907.120</u>	<u>13.097.756.311</u>

17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bồi thường dự án di dời trạm bơm nước thô Biên Hòa	1.308.800.500	1.308.800.500
Các khoản phải trả dài hạn khác	17.250.000	17.250.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	1.326.050.500	1.326.050.500
17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán		
Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.		
18. Vay		
18a. Vay ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	221.607.927.020	222.076.755.395
Cộng	221.607.927.020	222.076.755.395

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

18b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II ⁽ⁱ⁾	426.996.824.345	496.846.227.968
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai ⁽ⁱⁱ⁾	195.269.717.330	156.804.702.330
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	48.304.019.207	49.879.469.600
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai ^(iv)	30.277.687.412	32.432.287.412
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa ^(v)	6.403.076.978	6.803.269.289
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai ^(vi)		1.131.435.766
Cộng	707.251.325.272	743.897.392.365

- (i) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II để đầu tư xây dựng các dự án với lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 18 – 25 năm, thời gian ân hạn từ 05 – 08 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai.
- (ii) Khoản vay Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai để đầu tư xây dựng các dự án với lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 – 10 năm, thời gian ân hạn từ 03 – 24 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh để đầu tư dự án xây dựng hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 2 với lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay tối đa 25 năm, thời gian ân hạn 07 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai để thanh toán các chi phí và giải ngân hoàn vốn để đầu tư xây dựng các dự án với lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay tối đa 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng một số máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.9).
- (v) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa để thanh toán các chi phí và giải ngân hoàn vốn để đầu tư xây dựng các dự án với lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay tối đa 06 năm kể từ ngày ký hợp đồng.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai để thanh toán các chi phí và giải ngân hoàn vốn để cải tạo nâng công suất nhà máy nước Biên Hòa với lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay tối đa 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến chi phí sửa chữa tài sản cố định. Trong năm Công ty không trích lập dự phòng phải trả ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	22.545.104.268	14.495.299.382		(3.477.260.000)	33.563.143.650
Quỹ phúc lợi	21.775.157.542	14.495.299.381	-	(4.862.773.699)	31.407.683.224
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	25.570.086	972.000.000	-	(986.300.000)	11.270.086
Cộng	44.345.831.896	29.962.598.763	0	(9.326.333.699)	64.982.096.960

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.200.000.000.000	115.307.706.961	138.143.900.875	607.939.180.999	2.061.390.788.835
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	316.595.170.905	316.595.170.905
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	-	39.652.395.253	(66.844.345.422)	(27.191.950.169)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(204.000.000.000)	(204.000.000.000)
Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty	-	-	-	(7.888.059.864)	(7.888.059.864)
Số dư cuối kỳ trước	1.200.000.000.000	115.307.706.961	177.796.296.128	645.801.946.618	2.138.905.949.707
Số dư đầu năm nay	1.200.000.000.000	115.307.706.961	177.796.296.128	645.801.946.618	2.138.905.949.707
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	71.487.238.852	71.487.238.852
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	86.971.796.291	(116.934.395.054)	(29.962.598.763)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	0
Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty	-	-	-	(7.888.059.864)	(7.888.059.864)
Số dư cuối kỳ này	1.200.000.000.000	115.307.706.961	264.768.092.419	592.466.730.552	2.172.542.529.932

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

21b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	120.000.000	120.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	120.000.000	120.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	120.000.000	120.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	120.000.000	120.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	120.000.000	120.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ 2024 ngày 29 tháng 03 năm 2024 như sau:

• Trích Quỹ đầu tư phát triển	86.971.796.291
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	26.091.538.887
• Trích Quỹ công tác xã hội cộng đồng	2.899.059.876
• Trích Quỹ thưởng người quản lý	972.000.000
• Chia cổ tức cho các cổ đông (*) (**)	192.000.000.000

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán riêng

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 23.098,63 USD (số đầu năm là 23.098,63 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp nước	267.914.475.450	249.751.808.225
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	4.093.601.557	4.015.387.053
Doanh thu bán nước tinh khiết	817.307.000	751.073.400
Cộng	<u>272.825.384.007</u>	<u>254.518.268.678</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	2.690.000	6.770.000
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	915.745.420	418.561.700
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	153.264.400	129.363.200
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	20.608.000	37.662.500
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	34.142.000	45.240.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	115.749.700	168.564.200
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	18.411.045.600	16.670.432.200
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	13.374.623.900	12.051.347.700
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	33.902.000	45.205.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	4.078.000	2.641.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	7.440.500	5.336.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	17.107.500	10.461.500
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	17.144.000	15.360.000
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	0	
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	6.340.836.200	5.590.072.000
Công ty Cổ phần Đầu tư quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang	0	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	3.640.000	2.820.000

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp nước	157.759.181.282	147.273.825.895
Giá vốn cung cấp dịch vụ lắp đặt	3.209.054.674	3.641.656.266
Giá vốn nước tinh khiết	709.106.052	553.982.735
Cộng	161.677.342.008	151.469.464.896

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	109.424.672	946.232.850
Cổ tức được chia	0	
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.010.324.295	281.545.962
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		
Cộng	3.119.748.967	1.227.778.812

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.636.661.763	7.138.333.906
Dự phòng tổn thất đầu tư		-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.897.948.017	10.140.222.400
Chi phí nhân công	23.250.268.622	52.494.000.363
Chi phí khấu hao tài sản cố định	73.237.110.746	74.544.595.464
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.786.527.579	23.052.963.179
Chi phí khác	25.583.070.566	14.241.655.328
Cộng	157.754.925.530	174.473.436.734

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tiền lương và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Đặng Văn Chất	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc	642.720.000	431.567.000
Bà Phạm Thị Hồng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	751.332.800	535.255.000
Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	620.480.000	436.954.000
Ông Nguyễn Văn Thiên	Phó Chủ tịch HĐQT	144.000.000	24.000.000
Ông Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT	144.000.000	24.000.000
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	144.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Công Hiếu	Thành viên HĐQT (mới bổ nhiệm)	144.000.000	-
Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Giám đốc	456.020.000	245.846.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Bà Nguyễn Thu Oanh	Kế toán trưởng	391.732.800	349.299.000
Cộng		3.438.285.600	2.070.921.000

Thu nhập của Ban Kiểm soát

Thu lao của Ban Kiểm soát và tiền lương của Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Nguyễn Công Hiếu	Trưởng ban (đã miễn nhiệm)		53.926.000
Bà Lê Thị Ngọc Sáu	Trưởng ban	398.980.000	295.553.000
Bà Tăng Tố Vân	Thành viên (đã miễn nhiệm)		15.000.000
Ông Nguyễn An Quốc	Thành viên	85.000.000	15.000.000
Ông Nguyễn Duy Khang	Thành viên (mới bổ nhiệm)	80.000.000	
Cộng		563.980.000 0	379.479.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Công ty con
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư quốc lộ 91 Cần Thơ – An Giang	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Kỳ này
<i>Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi</i> Chi phí dịch vụ	98.789.103
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi</i> Chi phí dịch vụ	10.228.208.311
<i>Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi</i> Chi phí dịch vụ	24.000.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.12, V.13 và V.17a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước (chiếm đến 98,20% doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ). Toàn bộ doanh thu của Công ty được tạo ra trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

Đồng Nai, ngày 19 tháng 04 năm 2024



Nguyễn Thị Hằng
Người lập

Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Cao Hà
P.Giám đốc

BẢNG TÍNH THUẾ TNDN QUÝ I NĂM 2024

I KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG KỲ

STT	Chi tiết	Doanh thu				Chi phí				Tỷ lệ	Phân bổ		Loại thuế suất		
		Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Tổng cộng	Quý 1	Quý 2	Quý 3		Quý 4	Tổng cộng		CP liên bang	CP dự phòng về phân bổ khác, địa phương
1	HĐSX chính	267.914.475.450	-	267.914.475.450	-	267.914.475.450	157.719.181.282	-	-	-	157.719.181.282	11.187.938.762,00	4.016.570.551	82.236.472.202,00	Thuế 10% (không còn Ưu đãi giảm 50%)
2	HĐ dịch vụ	4.093.601.257	-	4.093.601.257	-	4.093.601.257	3.289.284.674	-	-	-	3.289.284.674	205.075.797,00	192.914.666,00	486.483.420,00	Thuế 20%
3	HĐ DORBY	817.397.000	-	817.397.000	-	817.397.000	709.106.052	-	-	-	709.106.052	426.475.085,00	36.530.306,00	(156.804.443,00)	Thuế 20%. Do là nền được bù trừ vào HĐSX chính
4	Cả các	272.825.384.007	-	272.825.384.007	-	272.825.384.007	161.677.342.089	-	-	-	161.677.342.089	11.819.510.644	4.016.570.551	82.490.153.179,00	Không chịu thuế
5	Lãi gửi	100.424.672	-	100.424.672	-	100.424.672	-	-	-	-	-	-	-	100.424.672,00	Thuế 10% (không còn Ưu đãi giảm 50%)
6	Lãi vay + Chiết khấu + Dự phòng giảm giá chứng khoán	-	-	-	-	-	6.636.661.763	-	-	-	6.636.661.763	-	-	(6.636.661.763,00)	Thuế 10% (không còn Ưu đãi giảm 50%)
7	Chiếm lợi từ các đơn vị liên kết	3.610.324.295	-	3.610.324.295	-	3.610.324.295	87.288.508	-	-	-	87.288.508	-	-	2.923.035.797,00	Thuế 10% (không còn Ưu đãi giảm 50%)
8	Thu nhập khác	1.314.541.033	-	1.314.541.033	-	1.314.541.033	580.627.651	-	-	-	580.627.651	-	-	733.913.384,00	Thuế 10%
	Tổng cộng HĐ SXND	277.259.874.009	-	277.259.874.009	-	277.259.874.009	168.981.919.930	-	-	-	168.981.919.930	11.819.510.644	4.016.570.551	79.579.866.259,00	Thuế 20%

II TÍNH THUẾ TNDN TRONG KỲ

STT	TNDN từ hoạt động KD	LN từ bán trước thuế	Chi phí không hợp lệ	Thu nhập chịu thuế	Thuế TNDN phải nộp
1	TNDN không chịu thuế	-	-	-	-
2	TNDN chịu thuế 10%	78.482.466.455	126.000.000	78.482.466.455	7.848.546.646
3	TNDN chịu thuế 20%	1.220.398.804	1.220.398.804	1.220.398.804	244.079.761
	Tổng cộng	79.579.866.259	126.000.000	79.579.866.259	8.092.626.407

III. HẠCH TOÁN VÀ NỘP THUẾ

QUÝ	PHẢI NỘP	ĐÃ NỘP	CÒN PHẢI NỘP
QUÝ I	8.092.626.407	3.471.107.465	8.092.626.407
QUÝ II	-	-	8.092.626.407
QUÝ III	-	-	8.092.626.407
QUÝ IV	-	-	8.092.626.407

Người lập

Nguyễn Thị Hằng

Chi tiết Chi phí không hợp lệ:

- Thuế lợi người QL không chuyên môn
- Tiền phạt
- Nguyên vật liệu vượt định mức
- Chi phí không hợp lệ

126.000.000

126.000.000



Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Oanh

NG T
PH
N
NG N
ĐA-T

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		542.741.597.122	557.588.730.627
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	29.943.918.122	44.996.501.511
1. Tiền	111		29.943.918.122	44.996.501.511
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		420.000.000.000	420.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	420.000.000.000	420.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		55.788.300.527	52.449.922.402
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	39.291.195.614	39.000.455.658
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	11.385.642.603	4.595.382.752
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	10.647.506.635	10.373.557.766
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(5.536.044.325)	(1.519.473.774)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		36.452.855.801	34.916.399.800
1. Hàng tồn kho	141	V.7	36.452.855.801	34.916.399.800
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		556.522.672	5.225.906.914
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	381.300.189	257.015.879
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		175.222.483	4.968.891.035
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.742.737.697.548	2.791.482.279.301
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.419.286.585.415	2.490.413.588.705
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	2.137.461.766.957	2.206.762.522.067
- Nguyên giá	222		5.034.442.999.422	5.032.175.713.566
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.896.981.232.465)	(2.825.413.191.499)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	281.824.818.458	283.651.066.638
- Nguyên giá	228		355.151.594.291	355.151.594.291
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(73.326.775.833)	(71.500.527.653)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		169.831.367.038	148.497.652.517
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	169.831.367.038	148.497.652.517
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		149.264.041.223	148.123.921.223
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	103.728.819.600	103.728.819.600
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	7.800.368.003	7.800.368.003
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	54.209.842.490	53.069.722.490
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(16.474.988.870)	(16.474.988.870)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.355.703.872	4.447.116.856
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	4.355.703.872	4.447.116.856
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.285.479.294.670	3.349.071.009.928

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.112.936.764.738	1.210.165.060.221
I. Nợ ngắn hạn	310		397.691.475.774	458.273.704.164
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	38.097.507.554	89.946.918.876
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13a	6.407.575.375	6.277.598.044
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	17.657.421.574	8.113.426.776
4. Phải trả người lao động	314	V.15	23.794.725.018	61.777.625.264
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	10.743.315.153	12.637.791.602
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	14.400.907.120	13.097.756.311
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	221.607.927.020	222.076.755.395
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	64.982.096.960	44.345.831.896
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		715.245.288.964	751.891.356.057
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.13b	6.667.913.192	6.667.913.192
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	1.326.050.500	1.326.050.500
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	707.251.325.272	743.897.392.365
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.172.542.529.932	2.138.905.949.707
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.172.542.529.932	2.138.905.949.707
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	115.307.706.961	115.307.706.961
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	264.768.092.419	177.796.296.128
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	592.466.730.552	645.801.946.618
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		520.979.491.700	645.801.946.618
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		71.487.238.852	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.285.479.294.670	3.349.071.009.928

Đồng Nai, ngày 19 tháng 04 năm 2024

Nguyễn Thị Hằng
Người lậpNguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởngNguyễn Cao Hà
P.Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

(Dạng đầy đủ)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	272.825.384.007	254.518.268.678	272.825.384.007	254.518.268.678
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		272.825.384.007	254.518.268.678	272.825.384.007	254.518.268.678
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	161.677.342.008	151.469.464.896	161.677.342.008	151.469.464.896
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		111.148.041.999	103.048.803.782	111.148.041.999	103.048.803.782
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.119.748.967	1.227.778.812	3.119.748.967	1.227.778.812
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6.723.950.271	8.137.109.151	6.723.950.271	8.137.109.151
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.636.661.763	7.138.333.906	6.636.661.763	7.138.333.906
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	11.819.510.644	12.356.165.459	11.819.510.644	12.356.165.459
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	16.878.378.176	11.267.445.607	16.878.378.176	11.267.445.607
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		78.845.951.875	72.515.862.377	78.845.951.875	72.515.862.377
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.314.541.035	951.166.920	1.314.541.035	951.166.920
12. Chi phí khác	32	VI.8	580.627.651	529.600.000	580.627.651	529.600.000
13. Lợi nhuận khác	40		733.913.384	421.566.920	733.913.384	421.566.920
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		79.579.865.259	72.937.429.297	79.579.865.259	72.937.429.297
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	8.092.626.407	3.715.206.503	8.092.626.407	3.715.206.503
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>71.487.238.852</u>	<u>69.222.222.794</u>	<u>71.487.238.852</u>	<u>69.222.222.794</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9				
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9				



Đồng Nai, ngày 19 tháng 04 năm 2024

Nguyễn Thị Hằng
Người lập

Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Cao Hà
P. Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		79.579.865.259	72.937.429.297
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9; V.10	73.394.289.146	74.544.595.464
- Các khoản dự phòng	03	VI.4	4.016.570.551	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(109.424.672)	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	6.636.661.763	(946.232.850)
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	7.138.333.906
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		163.517.962.047	153.674.125.817
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.446.224.348	(16.025.122.354)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.536.456.001)	1.549.941.701
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(91.571.267.936)	(22.922.253.192)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(32.871.326)	908.105.030
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16; VI.4	(10.457.874.137)	(10.989.310.241)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(3.471.107.465)	(5.433.293.644)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.20	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20; V.21	(17.214.393.563)	(20.857.141.274)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		41.680.215.967	79.905.051.843
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4; V.9 V.11; V.12	(22.332.016.025)	(25.685.421.074)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a	30.000.000.000	45.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.140.120.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.3	957.397.275	946.232.850
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22.514.738.750)	(9.739.188.224)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	57.209.069.000	51.089.442.082
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(91.403.683.686)	(135.309.360.779)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17a	(23.445.920)	(14.899.800)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(34.218.060.606)</i>	<i>(84.234.818.497)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>		<i>(15.052.583.389)</i>	<i>(14.068.954.878)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	44.996.501.511	40.179.816.592
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	29.943.918.122	26.110.861.714

Đồng Nai, ngày 19 tháng 04 năm 2024

Nguyễn Thị Hằng
Người lập

Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Cao Hà
P.Giám đốc

